

Bản án số: 89/2017/HS - ST
Ngày: 09 - 11 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Sự.

Bà Vũ Phương Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2017/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2017/HSST - QĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn K - Sinh năm 1990 tại xã G, huyện G, tỉnh N; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 8 xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Trung K - Sinh năm 1953 (đã chết) và bà Phạm Thị X - Sinh năm 1951; vợ: Vũ Thị N, sinh năm 1992 làm ruộng tại đội 8 xã G, huyện G, tỉnh N; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 24 ngày 06/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

2. Nguyễn Thế N - Sinh năm 1984 tại xã G, huyện G, tỉnh N; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 8 xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; con ông Nguyễn Viết H (đã chết) ; con bà Phùng Thị H - sinh năm 1940; có vợ là: Nguyễn Thị T - sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn

khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 25 ngày 06/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

3. Phạm Văn H - Sinh năm 1974 tại xã G, huyện G, tỉnh N. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 1 xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng. trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông Phạm Văn H - sinh năm 1950 và bà Phùng Thị N - sinh năm 1953; có vợ là Trần Thị N - sinh năm 1976; có 4 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26 ngày 06/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

4. Nguyễn Thị T - Sinh năm 1977 tại xã G, huyện G, tỉnh N. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/10; con ông Nguyễn Trung K - sinh năm 1953 (đã chết), con bà Phạm Thị C (đã chết), mẹ kế Phạm Thị X - Sinh năm 1951; chồng là: Bùi Văn N - Sinh năm 1977 làm ruộng tại huyện M, tỉnh S; có 2 con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Quyết định bảo lãnh số 05 ngày 06/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

5. Trần Văn C - Sinh năm 1955 tại xã G, huyện G, tỉnh N; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 8 xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; con ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị X (Đều đã chết); vợ là: Bùi Thị T- Sinh năm 1957, làm ruộng tại xã G, huyện G, tỉnh N; có 5 con lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27 ngày 06/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

- Người làm chứng:

+ Ông Trần Văn Đ - Sinh năm 1967.

+ Anh Trần Văn H - Sinh năm 1983.

Đều trú tại: Đội 8, xã G, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt 05 bị cáo; Người làm chứng có mặt anh H, ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 03/8/2017 Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T (là hai chị em cùng cha khác mẹ) đang ở nhà Nguyễn Văn K hiện sống cùng bố đẻ là ông Nguyễn Trung K - sinh năm: 1953, ông K đang bị ốm) thì một số người đến thăm ông K, trong đó có Phạm Văn H, Trần Văn C. Mọi người ngồi uống nước với nhau một lúc thì cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền. K lấy

một bộ tú lơ khơ sọc đỏ trắng đã có sẵn trong nhà mình, rồi cùng với T, H, C ngồi xuống chiếu ăn cơm đã trải sẵn từ trước để đánh liêng ăn tiền. Bốn đối tượng thống nhất với nhau đánh liêng ăn tiền, mỗi người phải có ít nhất 500.000 đồng, đánh ván thấp nhất là 10.000 đồng, ván cao nhất là 50.000 đồng, ai ăn ván to thì phải bỏ ra ngoài cho K 10.000 đồng tiền hồ. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Thế N đến và tham gia đánh liêng ăn tiền cùng K, T, H, C. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang đánh liêng ăn tiền thì bị lực lượng Công an huyện Giao Thủy kiểm tra bắt quả tang. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc: 5.052.000 đồng (Năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) (trong đó có 4.982.000 đồng trên chiếu và 70.000 đồng tiền dập dưới chiếu các đối tượng bỏ ra ngoài cho K là tiền hồ) và 02 chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ. Ngoài ra còn thu giữ được 01 chiếc xe máy + 04 điện thoại di động các loại, kiểm tra thu giữ trên người các đối tượng số tiền 7.150.000 đồng (bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận: Bố K là ông Nguyễn Trung K bị ốm vì vậy anh em ở xa tập trung về để trông coi bố, cùng với một số người đến thăm bố K, sau đó mọi người thống nhất bàn nhau đánh liêng ăn tiền. K có 2.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Lúc đầu K bỏ ra 800.000 đồng để chơi trước, còn 1.700.000 đồng K cất trong ví. Khi lực lượng Công an bắt giữ K bị thua 600.000 đồng. K bị thu giữ 200.000 đồng dưới chiếu bạc và 1.700.000 đồng trong ví. Phạm Văn H khai nhận: Khi đi H mang theo số tiền 500.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị lực lượng Công an bắt giữ H bị thua 100.000 đồng còn lại 400.000 đồng H bỏ dưới chiếu bạc. Nguyễn Thế N khai nhận: Khi đi N mang theo 2.250.000 đồng và đã bỏ ra 200.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, nếu thua hết 200.000 đồng, N cũng chỉ bỏ ra thêm 300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị lực lượng Công an bắt giữ, N thua 100.000 đồng. N bị thu giữ 100.000 đồng dưới chiếu bạc và 2.050.000 đồng trong người. Nguyễn Thị T khai nhận: T có 3.562.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, T đã bỏ ra 362.000 đồng để chơi trước. Khi bị bắt T đang thắng được 700.000 đồng. T bị thu giữ dưới chiếu bạc 1.062.000 đồng và 3.200.000 đồng trên người. Trần Văn C khai nhận: Khi đi C mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Lúc đầu C bỏ ra 300.000 đồng chơi. Khi bị lực lượng Công an phát hiện bỏ về nhà mang theo 200.000 đồng cất dấu sau đó đã nộp cho Công an.

Tại bản Cáo trạng số 87/CTR ngày 20/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K; Nguyễn Thế N; Phạm Văn H; Nguyễn Thị T; Trần Văn C về tội: “Đánh bạc”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử

tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn K; Nguyễn Thế N; Phạm Văn H; Nguyễn Thị T; Trần Văn C phạm tội “đánh bạc” và đề nghị:

Về hình phạt áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Thế N và Trần Văn C, mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và điều kiện thu nhập của các bị cáo. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho cả 5 bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là: 10.452.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếc cối và 01 bộ bài tú lơ khơ đã thu giữ.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin cải tạo tại địa phương và được miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 03/8/2107 lực lượng Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang tại nhà ông Nguyễn Trung K (thuộc đội 8, xã G, huyện G, tỉnh N) các bị cáo: Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Phạm Văn H, Nguyễn Thế N và Trần Văn C đang đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ăn tiền.

Các bị cáo đánh ván thấp nhất là 10.000 đồng, ván cao nhất là 50.000 đồng, thu giữ 10.452.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn, 02 chiếu cói và 01 bộ bài tú lơ khơ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ảnh hưởng xấu tới trật tự an ninh, trật tự xã hội. Cờ bạc là tệ nạn của xã hội, các bị cáo đều xác định được đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ăn tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo cố ý thực hiện hành vi của mình, sát phạt nhau để thu lời bất chính. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng hành vi của mỗi bị cáo nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ sau: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS. Tại cơ quan CSĐT và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo đều có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn là lao động chính được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét vị trí, vai trò, lượng tiền của từng bị cáo khai dùng vào việc đánh bạc thì Nguyễn Văn K là người sử dụng nơi ở của mình, lấy quân bài cho các bị cáo khác cùng đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò đầu vụ các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Văn H, Trần Văn C và Nguyễn Thế N là đồng phạm giữ vai trò sau Nguyễn Văn K.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy tất cả các bị cáo trong vụ án đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, có hướng tự cải tạo. Vì vậy không nhất thiết buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị T; Phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo: Phạm Văn H, Trần Văn C và Nguyễn Thế N, như quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho

thấy các bị cáo điều kiện gia đình khó khăn là lao động chính. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.452.000 đồng.
- Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếc cối và 01 bộ bài tú lơ khơ.
- Đối với 01 chiếc xe máy, 04 chiếc điện thoại di động và 1.750.000 đồng thu giữ. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thế N, Phạm Văn H và Trần Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p,h khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho UBND xã G, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã M, huyện M, tỉnh S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế N 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ trước khi xét xử là 03 ngày, quy đổi $03 \times 3 = 09$ ngày (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 17 tháng 21 ngày.

+ Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ trước khi xét xử là 02 ngày, quy đổi $03 \times 3 = 09$ ngày (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 17 tháng 21 ngày.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ trước khi xét xử là 03 ngày, quy đổi $03 \times 3 = 09$ ngày (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/8/2017 đến ngày 06/8/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 17 tháng 21 ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với 03 bị cáo: Nguyễn Thế N, Phạm Văn H và Trần Văn C, tính từ ngày UBND các xã (nơi cư trú của các bị cáo) được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo: Nguyễn Thế N, Phạm Văn H và Trần Văn C.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 10.452.000đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 02 chiếc cối và 01 bộ bài tú lơ khơ.

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 20/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thế N, Phạm Văn H và Trần Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Công an huyện Giao Thủy;
- UBND xã G;
- UBND xã G;
- UBND xã M;
- Mỗi bị cáo: 01 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Lâm

- Lưu hồ sơ vụ án.